

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 318/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04/8/2025
V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Thu

2. Bà Huỳnh Thị Khả Tú

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 448/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lâm Thị Thanh T, sinh ngày 07/3/1994 (có mặt)

Căn cước công dân số: 079194011541

Địa chỉ: 5 Ấp C, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh (Cũ : 57/9, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. **Bị đơn:** Ông Trương Thanh L, sinh ngày 15/5/1991 (có mặt)

Căn cước công dân số: 082091018157

Địa chỉ: 5 Ấp C, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh (Cũ : 57/9, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị Thanh T trình bày:

Bà Lâm Thị Thanh T và ông Trương Thanh L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016 và có đăng ký kết hôn ngày 30/5/2016 tại Ủy ban nhân dân Thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Từ năm 2022, giữa bà T và ông L phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn có tiếng nói chung, hai vợ chồng xảy ra cãi vã do ông L không chăm lo cho cuộc sống gia đình, ông L còn xúc phạm bà T và cả gia đình bà T. Cuối năm 2022, bà T có nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện H, nhưng sau đó bà T đã rút đơn lại cho vợ chồng có cơ hội đoàn tụ nhưng ông L vẫn không thay

đổi. Vì thế mà mâu thuẫn không hàn gắn được. Nay bà T nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, mục đích của hôn nhân nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Lâm Ngọc T1, (sinh ngày 26/02/2017) và Trương Lâm Hải Đ (sinh ngày 15/9/2021). Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Bà T hiện có chỗ ở, công việc (làm kế toán, thu nhập bình quân khoảng 14.000.000đồng/tháng) ổn định và có thời gian chăm sóc con nên đảm bảo được cuộc sống cho hai con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Trương Thanh L trình bày:

Ông Trương Thanh L và bà Lâm Thị Thanh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016 và có đăng ký kết hôn ngày 30/5/2016 tại Ủy ban nhân dân Thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống ở nhà vợ. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của sự mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà T chưa hoàn thành nghĩa vụ của một người vợ, người mẹ. Có vài lần do không kiềm chế được cảm xúc ông L có đánh vợ. Trong quá trình chung sống, ông L cũng nhiều lần nhẫn nhịn muốn con cái có gia đình trọn vẹn nhưng không có kết quả. Nay bà T kiên quyết ly hôn thì ông L cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Lâm Ngọc T1 (sinh ngày 26/02/2017) và Trương Lâm Hải Đ (sinh ngày 15/9/2021). Nếu Tòa án giải quyết buộc phải ly hôn, ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Hải Đ, giao cho bà T trực tiếp nuôi cháu Ngọc T1, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Ông L hiện có thuê tiệm để bán trà sữa, thời gian làm việc từ khoảng 10 giờ sáng đến 23 giờ tối mỗi ngày, thu nhập bình quân không nhớ chính xác, sau khi trừ các chi phí và phụ giúp gia đình (khoảng 3-5 triệu/tháng) thì mỗi tháng còn dư khoảng 1-2 triệu đồng. Sau khi ly hôn, ông L sẽ ra ngoài thuê nhà ở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Thanh T .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại xã H, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Thanh T và ông Trương Thanh L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Trích lục kết hôn số 141/TLKH-BS ngày 04/4/2025 của Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H thì đủ cơ sở xác định bà T và ông L có đăng ký kết hôn số 42 ngày 30/5/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà T: Căn cứ lời khai của các đương sự thì đủ cơ sở xác định trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà T, ông L có phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không được giải quyết. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng bà T, ông L vẫn không thể đoàn tụ. Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và ông L cũng đồng ý ly hôn. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của bà T và ông L đang ở trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông L.

[5] Về con chung: Bà T và ông L có hai con chung tên Trương Lâm Ngọc T1 (sinh ngày 26/02/2017) và Trương Lâm Hải Đ (sinh ngày 15/9/2021). Bà T và ông L đều yêu cầu được nuôi con chung là cháu Hải Đ. Hội đồng xét xử nhận định ông L chưa ổn định về chỗ ở cũng như thời gian làm việc chưa đảm bảo để chăm sóc tốt cho cháu Hải Đ. Trong khi đó, bà T có điều kiện (về công việc, chỗ ở, và thời gian) để chăm sóc các con tốt hơn. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như nguyện vọng của cháu Ngọc T1, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Ngọc T1 và cháu Hải Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, ông L cũng không có ý kiến, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông L cho đến khi có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Bà T và ông L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Bà T và ông L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đồng, bà T chịu, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lâm Thị Thanh T được ly hôn với ông Trương Thanh L.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Trương Lâm Ngọc T1 (sinh ngày 26/02/2017) và Trương Lâm Hải Đ (sinh ngày 15/9/2021) cho bà Lâm Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Trương Thanh L cho đến khi có yêu cầu.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà T phải nộp án phí ly hôn là 300.000đồng, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà bà T đã nộp theo biên lai số 0083335 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV 8 – TP.HCM;
- Phòng THADS KV 8 – TP.HCM;
- UBND xã Hóc Môn, TP.HCM;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam

